TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2024/DS-ST
Ngày: 28/6/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Ông Trần Thành Chúng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2024/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 353/2024/QĐST-DS ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Ngọc H, sinh năm 1985; cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Đồng bị đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1990 và bà Võ Thị D, sinh năm 1990. Cùng cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà H có mặt; còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng đồng nguyên đơn bà Trương Ngọc H trình bày:

Vào năm 2022, vợ chồng ông P - bà D có tham gia dây chơi hụi do bà H mở và làm chủ như sau: Dây hụi mở ngày 25/01/2022, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi khui một tháng một lần, gồm 20 phần, ông P - bà D tham gia 02 phần, hoa hồng 500.000đ; ông bà đã hốt vào các kỳ 01 (ngày 25/01/2022) và kỳ 04 (ngày 25/4/2022). Sau khi hốt

hụi, ông P - bà D không thực hiện đóng hụi chết cho bà, dây hụi này ông bà còn nợ bà số tiền hụi chết 16 kỳ, với số tiền 32.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông P - bà D có hỏi vay bà H nhiều lần với tổng số tiền 25.500.000 đồng để trị bệnh cho mẹ. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi, sẽ trả hàng tháng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, sau khi vay tiền ông P - bà D không thực hiện trả tiền, nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông P - bà D chỉ hứa mà không thực hiện, đến ngày 22/12/2023 âm lịch ông bà trả được 1.819.000 đồng.

Ngày 13/3/2024, bà H có gửi đơn đến Ban N2, xã V hòa giải, tại buổi làm việc bà D thừa nhận tổng số nợ nêu trên nhưng không đưa ra được phương thức thanh toán nên hòa giải không thành.

Nhận thấy quyền lợi bị ảnh hưởng nên bà H khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Huỳnh Văn P và Võ Thị D phải có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi và tiền vay cho bà H với tổng số tiền 55.681.000 đồng (Năm mươi năm triệu sáu trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt hợp lệ thông báo, quyết định cho ông Huỳnh Văn P - bà Võ Thị D theo quy định, bà nhận được nhưng không có ý kiến về việc khởi kiện của bà H.

Tòa tiến hành thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến ông P - bà D nhưng bà không có phản hồi.

Tòa án tiến hành xác minh nói cư trú, tình trạng hôn nhân và việc thỏa thuận tại ấp V, xã V để có căn cứ giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ Tòa án tiến hành thu thập được:

Theo biên bản xác minh ngày 22/5/2024 do ông Huỳnh Thành S - Phó ấp V cung cấp, thể hiện nội dung: Vào các ngày 13/3/2024, Ban N2 có tiến hành hòa giải vụ việc tranh chấp tiền vay và tiền hụi giữa bà Trương Ngọc H và ông Huỳnh Văn P - bà Võ Thị D.

Tại các buổi hòa giải nêu trên, ông P vắng mặt. Hai bên thống nhất số tiền nợ là 55.681.000đ và không thống nhất phương thức thanh toán nên ban N2 hướng dẫn người dân liên hệ Tòa án để được tiếp tục giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 17/5/2024 do bà Nguyễn Thị Ngọc N – Cán bộ Tư pháp hộ tịch xã V cung cấp: Tại cơ sở dữ liệu về đăng ký kết hôn được lưu trữ tại xã V thì ông Huỳnh Văn P và bà Võ Thị D không có tên thực hiện đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, tại xã có lưu trữ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 205/UBND-XNTTHN ngày 24/8/2017 nội dung bà Võ Thị D sinh ngày 23/11/1990 sử dụng giấy này để đăng ký kết hôn với ông Huỳnh Văn P, sinh ngày 19/9/1990 tại Ủy ban nhân dân xã P.

Theo biên bản xác minh ngày 22/5/2024 do bà Nguyễn Tuyết N1 – Cán bộ Tư pháp hộ tịch xã Phú Hội cung cấp: Tại cơ sở dữ liệu về đăng ký kết hôn được lưu trữ tại xã P thể hiện vào năm 2017, ông Huỳnh Văn P và bà Võ Thị D có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.

Theo biên bản xác minh ngày 22/5/2024 do Công an xã V cung cấp thể hiện ông Huỳnh Văn P - bà Võ Thị D hiện vẫn còn thông tin cư trú tại tổ A, ấp V, xã V chưa có thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt hợp lệ thông báo, quyết định cho ông P nhưng ông không có mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tòa án tiến hành thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Huỳnh Văn P theo quy định nhưng ông không phản hồi.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Trương Ngọc H trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với vợ chồng ông P - bà D. Bà nhiều lần tạo điều kiện để ông P - bà D trả nợ nhưng ông bà cố ý không thực hiện.

Đồng bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

1. Về nội dung:

Theo nguyên đơn bà Trương Ngọc H trình bày, vào năm 2022, vợ chồng ông P - bà D có tham gia dây hụi 1.000.000 đồng do bà H làm chủ, mở ngày 25/01/2022, khui một tháng một lần, gồm 20 phần, ông P - bà D tham gia 2 phần, hoa hồng 500.000đ. Dây hụi này ông P - bà D bỏ hốt vào các kỳ 01 (ngày 25/01/2022) và kỳ 04 (ngày 25/4/2022). Sau khi hốt hụi, ông P - bà D không thực hiện đóng hụi chết cho bà. Dây hụi này ông P - bà D còn nợ bà số tiền hụi chết 16 kỳ, mỗi kỳ 02 phần là 32.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông P - bà D có vay tiền của bà nhiều lần với tổng số tiền 25.500.000 đồng để trị bệnh cho mẹ. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi, sẽ trả hàng tháng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, sau khi vay tiền ông P - bà D không thực hiện trả tiền, nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng vợ chồng ông P - bà D chỉ hứa mà không thực hiện, đến ngày 22/12/2023 âm lịch ông bà trả được 1.819.000 đồng. Vụ việc được Ban N2 tiến hành hòa giải nhưng không thành ngày 13/3/2024, cuối biên bản có chữ ký và chữ viết tên của bà Võ Thị D. Nội dung Biên bản thể hiện: "... bà Trương Ngọc H yêu cầu bà Võ Thị D trả tiền 55.681.000 đồng và trả hàng tháng 3.000.000 đồng…. bà Võ Thị D xác định không có khả năng trả hàng tháng 3.000.000 đồng, chỉ có khả năng trả một ngày 10.000 đồng, tức là một tháng trả 300.000 đồng…".

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn P và Võ Thị D phải có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi và tiền vay cho bà H với tổng số tiền 55.681.000 đồng.

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Huỳnh Văn P, bà Võ Thị D nhưng ông Huỳnh Văn P, bà Võ Thị D không có ý kiến gì và cũng không tham gia phiên hòa giải do Tòa án triệu tập, nên xem như từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình đã được pháp luật bảo vệ. Căn cứ Điều 91, 92 BLTTDS thì nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình thuộc về đương sự, trong vụ án này, bị đơn ông Huỳnh Văn P, bà Võ Thị D không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, tại biên bản xác minh ngày 22/5/2024, ông Huỳnh Thành S – Phó Ấp V, xã V cho biết nội dung như sau: Vào ngày 13/3/2024, Ban N2 có tổ chức hòa giải việc tranh chấp tiền hụi và tiền vay giữa bà H và bà D, liên quan số tiền 55.681.000 đồng. Cụ thể là bà H có cho bà D tham gia hụi do bà H làm chủ và có cho bà D vay tiền nhiều lần, sau đó, bà D không thanh toán nên hai bên phát sinh tranh chấp. Tại buổi hòa giải, hai bên không thống nhất về thời gian thanh toán nên hòa giải không thành.

Như vậy, căn cứ vào Biên bản hòa giải lập ngày 13/3/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có căn cứ xác định bà Võ Thị D còn nợ bà Trương Ngọc H khoản tiền nợ hụi và tiền vay, tổng cộng là 55.681.000 đồng. Do đó, việc nguyên đơn bà Trương Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị D có trách nhiệm trả lại số tiền nói trên là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 463, 465, 466, 471 của BLDS, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

2. Về trách nhiệm trả nợ:

Nguyên đơn bà Trương Ngọc H yêu cầu ông Huỳnh Văn P cùng có trách nhiệm cùng số tiền 55.681.000 đồng. Bị đơn ông P vắng mặt tại Tòa và cũng không có ý kiến gì trong vụ án, nên xem như từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình đã được pháp luật bảo vệ.

Theo Biên bản xác minh ngày 22/5/2024, xác định ông Huỳnh Văn P và bà Võ Thị D là quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, số tiền nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, vì vậy, ông Huỳnh Văn P phải cùng chịu trách nhiệm về nghĩa vụ do bà Võ Thị D thực hiện. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX tuyên buộc ông Huỳnh Văn P có trách nhiệm liên đới cùng bà Võ Thị D trong việc trả số tiền nợ 55.681.000 đồng cho bà Trương Ngọc H là có căn cứ.

3. Về yêu cầu tính lãi suất: Lẽ ra ông Huỳnh Văn P và bà Võ Thị D còn phải chịu tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trong việc thanh toán khoản tiền nợ vay, tuy nhiên, do nguyên đơn bà Trương Ngọc H không yêu cầu là có lợi cho bị đơn, nên đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện này.

4. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn ông Huỳnh Văn P và bà Võ Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trương Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn P và bà Võ Thị D phải cùng có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền hụi và tiền vay là 55.681.000đ và không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản*" là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 9, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2, Điều 14, Điều 5, Điều 6 và Điều 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015

[2] Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết:

Ngày 13/3/2024, bà H có gửi đơn đến Ban N2, xã V hòa giải nhưng không thành, ngày 23/4/2024 bà H khởi kiện, theo quy định tại khoản 1 Điều 154 và Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Ông P - bà dành hiện cư trú tại xã V, huyện A nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong vụ án này do bà H khởi kiện ông P - bà D nợ tiền nên xác định bà H là nguyên đơn, ông P - bà D là đồng bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án.

[4.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng ông P, bà D vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà là đúng quy định.

[4.2] Xét trách nhiệm thanh toán nợ của ông P – bà D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nội dung Biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân xã P và xã V cung cấp thể hiện vào năm 2017, ông P - bà D có thực hiện đăng ký hôn, hiện vẫn chung sống tại tổ A, ấp V, xã V, ông bà không có thời gian ly thân.

Theo các biên bản tống đạt thể hiện trong hồ sơ vụ án ông P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã biết nội dung vụ án; ngoài ra, ông cũng đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia các phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà phía bà H cung cấp

Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình, việc nguyên đơn yêu cầu là ông P - bà D cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền hụi và vay tài sản là có cơ sở.

[4.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc vay tài sản và tham gia hụi giữa bà H và ông P - bà D chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản, không người làm chứng nhưng trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái quy định và điều cấm của pháp luật nên được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào năm 2022, bà H và ông P - bà D có xác lập việc vay tài sản và tham gia góp hụi, ông P - bà D hiện còn nợ lại 55.681.000đ.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải của ban N2 ngày 13/3/2024, bà D thừa nhận còn nợ bà H số tiền trên nhưng không đưa ra được phương thức thanh toán. Do đó, bà H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu vợ chồng ông P - bà D thanh toán vốn gốc và không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lãi suất là có lợi cho phía đồng bị đơn.

Căn cứ Điều 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay là trả đủ tiền và đúng hạn. Tuy nhiên, ông P - bà D đã quá thời hạn thanh toán và không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với đồng bị đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, ông P - bà D không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Ông P - bà D cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 212, 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 288, 429, 463, Điều 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc H.

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn P - bà Võ Thị D phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trương Ngọc H số tiền 55.681.000đ (Năm mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, ông P - bà D không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền gốc trên thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Bà Trương Ngọc H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009414 ngày 23/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Ông Huỳnh Văn P - bà Võ Thị D cùng phải chịu 2.784.050đ án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/6/2024) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thảo Ngân